

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGD-ST

Ngày 07 tháng 3 năm 2022

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Ngọc Quang**

2. Ông: **Trần Văn Thanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HN&GD ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Khổng Thị L**; sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Ông **Vương Công Q**; sinh năm: 1963.

Nơi ĐKKTT: Tổ X, thị trấn M, huyện M, Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 20/11/2021 và tại bản tự khai ngày 01/12/2021 (bút lục số 30) và tại phiên tòa hôm nay bà Khổng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Vương Công Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mường Ảng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/11/1983. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống tôi và ông Q sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 37 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, do tính của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa tôi và ông Q càng ngày càng lớn đến nay vợ chồng chúng tôi không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 05/2020 cho đến nay, tôi và ông Q không còn chung sống với nhau nữa, ông Q đã đi làm và sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi đề

ngợi Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Vương Công Q.

Về con chung: Tôi và ông Vương Công Q có 02 con chung là cháu Vương Thị Thúy N, sinh ngày 19/11/1984 và cháu Vương Quốc Đ, sinh ngày 19/02/1986. Hiện 02 cháu N, Đ đã đủ 18 tuổi tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và ông Vương Công Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01/12/2021 và giấy ý kiến ngày 01/12/2021 bị đơn ông Vương Công Q trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và bà Khổng Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mường Ảng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/11/1983. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống tôi và bà L sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 37 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, do tính của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 05/2020 cho đến nay, tôi đã đi làm và sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà L xin ly hôn tôi cũng nhất trí ly hôn với bà L.

Về con chung: Tôi và bà Khổng Thị L 02 con chung là cháu Vương Thị Thúy N, sinh ngày 19/11/1984 và cháu Vương Quốc Đ, sinh ngày 19/02/1986. Hiện 02 cháu N, Đ đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động. Nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung; tài sản riêng; về nợ phải trả, nợ lấy về: Tôi và bà Khổng Thị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôn nay ông Vương Công Q có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày tại bản tự khai và giấy ý kiến, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 (*Bà Khổng Thị L và ông Vương Công Q thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên giải quyết theo biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2021*) Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 29/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn” giữa nguyên đơn là bà Khổng Thị L và bị đơn ông Vương Công Q. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, bà L có mặt tại phiên họp.

Ngày 29/11/2021 bà L; ngày 30/11/2021 ông Q đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là bà Khổng Thị L có mặt; bị đơn là ông Vương Công Q vắng mặt có lý do (ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2022; Tòa án nhận được ngày 28/02/2022 do bà Khổng Thị L giao nộp). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết ông Q là bị đơn không có ý kiến cũng như đơn phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông Q có ý kiến: Tôi nhất trí với ý kiến của bà L về hôn nhân, con chung và tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về.

[2] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Khổng Thị L và ông Vương Công Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mường Ảng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên) vào ngày 18/11/1983. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống bà L và ông Q sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 37 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, do tính của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 05/2020 bà L và ông Q không còn chung sống với nhau nữa, ông Q đã đi làm và sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Từ khi ông Q bỏ đi, ông Q và bà L không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy vợ chồng bà L, ông Q đã sống ly thân đã lâu, không còn tình yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của của bà Khổng Thị L. Tuyên xử cho bà Khổng Thị L được ly hôn với ông Vương Công Q.

Về con chung: Bà Khổng Thị L và ông Vương Công Q có 02 con chung là cháu Vương Thị Thúy N, sinh ngày 19/11/1984 và cháu Vương Quốc Đ, sinh ngày 19/02/1986. Hiện 02 cháu N, Đ đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động. Bà L, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về: Bà L, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Không Thị L; Bà Không Thị L được ly hôn ông Vương Công Q.

2. Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung là cháu Vương Thị Thúy N, sinh ngày 19/11/1984 và cháu Vương Quốc Đ, sinh ngày 19/02/1986. Hiện 02 cháu N, Đ đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động. Bà L, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Bà L, ông Q không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Bà L đã nộp đủ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0009260 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND thị trấn M, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân